

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THÙY GIAO

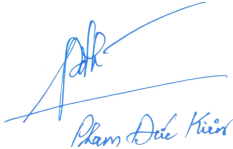
**ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE LÃNH ĐẠO
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã số: 9229015**

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS. Hồ Thị Tố Lương 

2. TS. Nguyễn Thị Hồng Mai 
Chủ tịch hội đồng: 
Phạm Đức Khôi

Phản biện 1: PGS,TS. Nguyễn Anh Cường

Phản biện 2: PGS, TS. Võ Xuân Vinh

Phản biện 3: PGS,TS. Hoàng Hải Hà

**Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học
viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào hồi 14 giờ 00 ngày 28 tháng 8 năm 2026**

Có thể tìm hiểu luận án tại:

Thư viện Quốc gia

Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

An sinh xã hội (ASXH) là nhiệm vụ quan trọng đối với sự ổn định của mỗi quốc gia, chế độ, là động lực và điều kiện để phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Bảo đảm ASXH không chỉ giữ vững sự ổn định về xã hội, nâng cao cuộc sống của người dân, mà còn giúp cho nền kinh tế ngày càng tăng trưởng nhanh và bền vững. Đây là mục tiêu thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhận thức tầm quan trọng của ASXH, trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đảng đã không ngừng bổ sung, phát triển chủ trương về ASXH phù hợp với điều kiện từng giai đoạn, góp phần phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro tác động đến cuộc sống con người, giữ cho môi trường xã hội thuận lợi để kinh tế phát triển. Sự ra đời Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01-6-2012 *Về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020* được ban hành đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng về ASXH, đặt ra yêu cầu cụ thể hóa đường lối của Đảng vào điều kiện thực tế ở địa phương.

Bến Tre là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, chịu hậu quả nặng nề qua các cuộc chiến tranh, có số lượng gia đình chính sách, người có công với cách mạng rất lớn. Đồng thời, là tỉnh cù lao, bốn bề sông nước bao quanh, có sinh kế dân cư phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp và điều kiện tự nhiên. Trong giai đoạn 2010-2020, bên cạnh những thách thức chung của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tỉnh Bến Tre còn là địa bàn chịu ảnh hưởng cực đoan của biến đổi khí hậu, thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu. Đặc biệt các đợt hạn mặn kéo dài qua các năm 2015-2016, 2019-2020, cùng với đại dịch Covid-19 đã tác động nghiêm trọng đến sinh kế và đời sống nhân dân. Những đặc điểm ấy tạo ra sức ép đối với hệ thống ASXH của tỉnh.

Trước bối cảnh đó, chứng kiến sự chuyển mình mạnh mẽ của Bến Tre với phong trào “Đồng Khởi mới”, đề “Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội”, Đảng bộ đã cụ thể hóa chủ trương của Đảng về ASXH phù hợp với đặc thù của tỉnh, ban hành các quyết sách quan trọng nhằm giải quyết việc làm, giảm nghèo; thực hiện bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT); trợ giúp xã hội (TGXH); ưu đãi xã hội (UĐXH). Từ năm 2010 đến năm 2020, trải qua hai nhiệm kỳ đại hội, “bảo đảm an sinh xã hội” được Đảng bộ xác định “là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng” và tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, hệ thống chính trị và toàn dân cùng thực hiện chính sách ASXH nhằm hướng đến đạt các mục tiêu ASXH vào năm 2020. Qua đó, góp phần xây dựng hệ thống ASXH theo hướng đa tầng, mở rộng diện bao phủ toàn

dân; đồng thời, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các vùng và nâng cao vị thế tỉnh Bến Tre với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Việc nghiên cứu 10 năm Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020 là cần thiết, nhằm tổng kết toàn diện, khách quan quá trình hiện thực hóa chủ trương cả Đảng tại Bến Tre qua hai kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, lần thứ X. Kết quả nghiên cứu không chỉ làm rõ những thành tựu, hạn chế và đúc kết các bài học kinh nghiệm có giá trị tham chiếu cho giai đoạn tiếp theo, mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh địa phương đối mặt với các rủi ro từ các vấn đề an ninh phi truyền thống.

Mặc dù đã có một số công trình đề cập đến chính sách xã hội, nhưng đến nay chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu và toàn diện về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre đối với thực hiện chính sách ASXH trên các nội dung cơ bản như: Xóa đói, giảm nghèo (XDGN); BHXH, BHYT, BHTN; TGXH; UĐXH và trong cả giai đoạn 2010-2020 dưới góc độ của khoa học Lịch sử Đảng.

Xuất phát từ lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề “***Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách an sinh xã hội từ năm 2010 đến năm 2020***” làm đề tài luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH giai đoạn 2010-2020; đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH ở địa phương hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Thứ nhất, trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, từ đó đưa ra những nội dung luận án kế thừa và cần tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, phân tích, làm rõ các yếu tố tác động đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre về chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020.

Thứ ba, hệ thống hóa chủ trương và quá trình chỉ đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ tỉnh Bến Tre từ năm 2010 đến năm 2020, thông qua hai giai đoạn: 2010-2015 và 2015-2020.

Thứ tư, đánh giá những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế trong quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020; đúc kết một số kinh nghiệm chủ yếu có giá trị tham khảo cho quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ ở địa phương hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre về chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu từ năm 2010 đến năm 2020 gắn với mốc phân kỳ của 2 nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX (2010-2015) và lần thứ X (2015-2020).

Về không gian: Phạm vi không gian nghiên cứu luận án gắn với 9 đơn vị hành chính (8 huyện: Ba Tri, Bình Đại, Châu Thành, Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú và thành phố Bến Tre) (thời điểm chưa sáp nhập tỉnh theo đơn vị địa giới hành chính mới).

Về nội dung nghiên cứu: Nội hàm của hệ thống ASXH rất rộng, trong phạm vi đề tài luận án và xuất phát từ thực tiễn của tỉnh Bến Tre, nhằm làm rõ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ, luận án tập trung nghiên cứu chủ trương và quá trình chỉ đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ tỉnh Bến Tre từ năm 2010 đến năm 2020 trên những vấn đề chính: Xóa đói, giảm nghèo; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; trợ giúp xã hội; ưu đãi xã hội. Để thực hiện tốt chính sách ASXH, trong quá trình chỉ đạo, Đảng bộ đã tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục bốn nội dung trên.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận là chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về ASXH.

4.2. Nguồn tài liệu

Các văn kiện Đại hội Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về ASXH; Văn kiện Đại hội Đảng bộ, các chỉ thị, nghị quyết, chương trình của Đảng bộ tỉnh Bến Tre về ASXH; số liệu thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre và một số sở, ban ngành tỉnh Bến Tre; các công trình đã xuất bản, đề tài, đề án, bài báo, tạp chí, luận án, luận văn có liên quan đến đề tài luận án.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

Phương pháp lịch sử được sử dụng chủ yếu để làm rõ tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; quá trình hoạch định chủ trương, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre trong thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020.

Phương pháp logic được sử dụng chủ yếu nhằm phân tích, đánh giá những điểm kế thừa, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong các công trình có liên quan đến đề

tài luận án. Đồng thời, phân tích khái quát và hệ thống hóa quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH giai đoạn 2010–2020, qua đó làm rõ sự vận động, phát triển trong chủ trương của Đảng bộ tỉnh.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các phương pháp khác như: Phân tích, so sánh, tổng hợp, quan sát.... để giải quyết những nhiệm vụ mà luận án đã đặt ra.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án đã tái hiện một cách có hệ thống quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách ASXH trong giai đoạn 2010–2020. Đây là giai đoạn có nhiều biến động về kinh tế – xã hội, đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác bảo đảm ASXH. Qua đó, làm sáng tỏ tính đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre trong lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH.

Hai là, luận án làm rõ nội dung, đặc điểm và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với từng lĩnh vực cụ thể của chính sách ASXH, đồng thời, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế. Trên cơ sở đó, bước đầu đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho việc lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH ở địa phương trong giai đoạn tiếp theo, cũng như đối với các tỉnh có điều kiện tương đồng.

Ba là, kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác tuyên truyền, nghiên cứu, giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử Đảng bộ địa phương.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

- *Ý nghĩa khoa học*: Luận án góp phần làm rõ quá trình cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về chính sách ASXH ở tỉnh Bến Tre - một địa phương có đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên đặc thù của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thông qua việc phân tích chủ trương, sự chỉ đạo và kết quả thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ tỉnh Bến Tre, luận án bổ sung nguồn tư liệu khoa học có giá trị cho việc nghiên cứu Lịch sử Đảng bộ địa phương, đồng thời, góp phần làm phong phú thêm lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực ASXH ở cấp tỉnh.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Kết quả nghiên cứu cung cấp những luận cứ khoa học tin cậy, phục vụ công tác tổng kết thực tiễn, hoạch định chủ trương và tổ chức thực hiện chính sách ASXH ở địa phương hiện nay. Một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho việc lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ địa phương trong giai đoạn tiếp theo, cũng như đối với các tỉnh có điều kiện tương đồng.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phục lục, nội dung luận án gồm 4 chương.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1 Nhóm các công trình nghiên cứu về an sinh xã hội của các quốc gia trên thế giới

Nghiên cứu về ASXH trên thế giới nhận được sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Tiêu biểu như: William Hsiao, R.Paul Shaw (Washington D.C); Đinh Công Tuấn; Trần Thị Nhung; William Reichenstein, William Meyer; Đinh Công Hoàng; Lê Quốc Lý; Nguyễn Duy Dũng; Nguyễn Hải Hữu ... Các công trình nghiên cứu về ASXH ở các nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam đã cung cấp cái nhìn tổng quan về sự khác biệt giữa các mô hình ASXH ở những nước này. Thông qua những mô hình về thực hiện ASXH ở các nước trên thế giới có giá trị tham khảo trên nhiều chiều cạnh, phương diện khác nhau cho Việt Nam nói chung và Bến Tre nói riêng trong thực hiện chính sách ASXH.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về an sinh xã hội trong nước

1.1.2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu chung về an sinh xã hội

Nghiên cứu về ASXH ở Việt Nam tiêu biểu các nhà khoa học như: Trịnh Duy Luân; Bùi Thế Cường; Mạc Văn Tiên; Mai Ngọc Cường; Mai Ngọc Anh; Lê Duy Đồng; Bùi Sỹ Lợi; Vũ Văn Phúc; Lê Quốc Lý; Nguyễn Văn Chiều; Phạm Tất Dong; Nguyễn Thị Kim Hoa; Nguyễn Thị Thanh; Nguyễn Thị Thu Hà... Thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng các công trình đều khái quát những kết quả về chính sách ASXH ở Việt Nam. Nhiều công trình cho thấy chủ trương về ASXH của Đảng đã đi vào cuộc sống và góp phần giảm bớt những rủi ro cho người dân, thúc đẩy công bằng xã hội. Các công trình tổng hợp trên là nguồn tài liệu quý về ASXH ở Việt Nam. Thông qua đó, giúp nghiên cứu sinh chọn lọc để tiếp tục nghiên cứu, làm rõ hơn nội hàm ASXH ở Bến Tre với các trụ cột như: XDGN; BHXH, BHYT; TGXH; UĐXH.

1.1.2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về an sinh xã hội tại một số địa phương của Việt Nam

Nghiên cứu về ASXH tại một số địa phương của Việt Nam có thể kể đến các tác giả như: Phạm Văn Sáng; Ngô Quang Minh; Bùi Văn Huyền; Nguyễn Anh Dũng; Nguyễn Văn Nhường; Nguyễn Thành Độ; Lê Quốc Lý ; Dương Quang Điện; Nguyễn Đình Hòa... Các công trình nghiên cứu nhiều góc độ khác nhau về ASXH tại một vài địa phương của Việt Nam: Đồng Nai, Bắc Ninh, Tây Nam bộ, Khánh Hòa, Tây Nguyên ... Các công trình đều đề cập đến thực trạng, biện pháp hoặc kinh nghiệm trong thực hiện chính sách ASXH. Một số công trình nghiên cứu tiếp cận một trụ cột của hệ thống

ASXH như: XĐGN; người có công... hay đối tượng cụ thể là đồng bào dân tộc thiểu số; tôn giáo... nhưng đều đưa ra những gợi mở đối với luận án.

1.1.2.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về an sinh xã hội của Bến Tre

Nghiên cứu về ASXH ở tỉnh Bến Tre rất ít và chỉ tiếp cận một hoặc vài trụ cột của chính sách ASXH: XĐGN; giải quyết việc làm; BHYT; chính sách người có công... của một thời kỳ nhất định. Tiêu biểu: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre; Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Bến Tre; Thạch Phương; Đoàn Tứ; Nguyễn Trúc Hạnh; Phan Văn Thuận; Nguyễn Tôn Phương Du... nhưng đây là nguồn tư liệu rất có giá trị đối với nghiên cứu sinh trong quá trình viết luận án.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐỀ CẬP VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan đến luận án

Thứ nhất, về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu: ASXH đang là vấn đề cấp thiết đối với nhiều quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, đặc biệt là tỉnh Bến Tre trong điều kiện đổi mới và hội nhập, tỉnh lại chịu tác động mạnh của suy thoái kinh tế, thiên tai, hạn mặn kéo dài, dịch bệnh... do đó, thực hiện ASXH là yêu cầu cấp thiết. Các công trình nghiên cứu về ASXH tiếp cận nhiều góc độ như: Lịch sử, Xã hội học, Triết học, Chính trị học, Quản lý Công, Tư tưởng Hồ Chí Minh, với những phương pháp nghiên cứu, phạm vi khác nhau ở trên thế giới, Việt Nam và tỉnh Bến Tre, nhưng các công trình nghiên cứu này đều có điểm chung nhất là khẳng định một số trụ cột của ASXH. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020 dưới góc độ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình đã cung cấp phương pháp nghiên cứu khoa học như phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phân tích, so sánh giúp cho nghiên cứu sinh thuận lợi trong nghiên cứu đề tài.

Thứ hai, về nội dung: Các công trình nghiên cứu đề cập được một số nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, cấu trúc các trụ cột kết thành chính sách ASXH; những kinh nghiệm trong thực hiện ASXH của các nước trên thế giới là bài học quý cho Việt Nam và tỉnh Bến Tre; chính sách ASXH được nghiên cứu dưới góc độ hẹp trong phạm vi tỉnh và một vài trụ cột của chính sách ASXH như: XĐGN, giải quyết việc làm, chính sách người có công hoặc BHYT tại Bến Tre.

Thứ ba, về tư liệu: Các công trình khoa học là nguồn tư liệu phong phú, đa dạng về ASXH, giúp nghiên cứu sinh làm rõ tính cấp thiết, cũng như những trụ cột của chính sách ASXH.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Một là, phân tích các yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020.

Hai là, làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020 qua hai giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020 trên một số nội dung chính như: XĐGN, BHXH, BHYT, TGH, UĐXH. Thông qua đó, làm rõ sự phát triển nhận thức của Đảng bộ về thực hiện chính sách ASXH.

Ba là, phân tích làm rõ quá trình chỉ đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ tỉnh Bến Tre từ năm 2010 đến năm 2020.

Bốn là, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH. Qua đó, đúc kết một số kinh nghiệm có giá trị tham khảo quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ địa phương đạt kết quả cao ở giai đoạn sau.

Tiểu kết chương 1

ASXH được bảo đảm là động lực chủ yếu đưa kinh tế phát triển, từ vai trò của ASXH, nhiều học giả, nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu để tìm ra các mô hình, giải pháp hoàn thiện chính sách ASXH. Các công trình nghiên cứu về ASXH thế giới, Việt Nam hay ở Bến Tre đề cập một số trụ cột của ASXH đã làm rõ được bước đầu quan điểm, bản chất, vai trò, bố cục và hợp phần của ASXH cùng với mối quan hệ giữa các hợp phần của ASXH hay nêu lên những thành tựu, hạn chế; đồng thời, kiến nghị một số hướng đi và cách giải quyết để góp phần thực hiện chính sách ASXH. Kết quả của các công trình có giá trị đối với nghiên cứu sinh trong quá trình viết luận án.

Chương 2

ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.1.1. Một số khái niệm

*** An sinh xã hội**

Đại hội lần thứ IX của Đảng (2001), lần đầu tiên thuật ngữ ASXH được đề cập, theo đó, Đảng chủ trương “khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội”. Theo đó, ASXH: Tiến tới áp dụng chế độ bảo hiểm cho mọi người lao động, mọi tầng lớp nhân dân. Kết hợp sự trợ giúp của Nhà nước với việc phát triển các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhằm giúp đỡ có hiệu quả người được hưởng chính sách xã hội, nạn nhân chiến tranh, thiên tai, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người tàn tật và người già không nơi nương tựa.

*** Chính sách an sinh xã hội**

Qua nghiên cứu các quan điểm của tác giả Lê Quốc Lý; Nguyễn Văn Chiêu; Đặng Anh Dũng, Huỳnh Thanh Quang về chính sách ASXH là hệ thống cơ chế, chính sách, biện pháp của Đảng, Nhà nước và xã hội nhằm trợ giúp mọi thành viên trong xã hội đối phó với những rủi ro, cú sốc về kinh tế - xã hội làm cho họ suy giảm hoặc mất nguồn thu nhập do bị ốm đau, thai sản, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, già cả không còn sức lao động hoặc vì các nguyên nhân khách quan khác rơi vào cảnh nghèo khổ... Mục tiêu cốt lõi của chính sách ASXH là góp phần bảo đảm mọi đối tượng đều có cơ hội được thụ hưởng.

*** Cấu trúc của chính sách an sinh xã hội**

Nội hàm ASXH rất rộng, trong phạm vi của luận án Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH giai đoạn 2010-2020, nghiên cứu sinh tiếp cận với những quan điểm, mục tiêu và biện pháp mà Đảng bộ tỉnh Bến Tre cụ thể hóa chủ trương của Đảng vào thực tiễn, để giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách, góp phần nâng cao đời sống của người dân. Do đó, luận án tập trung trên những vấn đề chính: XĐGN (đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo, các dịch vụ xã hội cho người nghèo); BHXH, BHTN, BHYT; TGXH, UĐXH.

Chính sách ASXH có một số vai trò: bảo đảm quyền cơ bản và phát triển con người; vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững; hướng vào thực hiện công bằng xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội; tập trung vào giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách trong các thời kỳ phát triển; đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

2.1.2. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre về thực hiện chính sách an sinh xã hội

2.1.2.1. Tình hình thế giới, trong nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội từ năm 2010 đến năm 2015

*** Tình hình thế giới**

Giai đoạn 2010-2015, tình hình thế giới nhiều thuận lợi, nhưng cũng còn không ít khó khăn, thách thức. Thuận lợi: Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn; toàn cầu hóa và cách mạng khoa học – công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức... đã tạo điều kiện thuận lợi cho thực hiện chính sách ASXH. Bên cạnh đó, thế giới luôn biến động, tiềm ẩn nguy cơ tác động đến việc thực hiện chính sách ASXH. “Những vấn đề toàn cầu (an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên...) sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp”, buộc các quốc gia có chính sách đối phó và phối hợp hành động. Sau cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, bất ổn, chủ nghĩa bảo hộ trở lại đã trở thành rào cản lớn cho thương mại quốc tế. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, giành giật các

nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, công nghệ, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng cao... giữa các nước ngày càng gay gắt tác động khá trực tiếp và đa chiều đến ASXH, gia tăng rủi ro việc làm và thu nhập; phân hóa và bất bình đẳng xã hội...

** Tình hình trong nước*

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, quy mô và tiềm lực được nâng lên. Văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh đạt nhiều kết quả tích cực tạo thuận lợi để thực hiện chính sách ASXH. Tuy nhiên, đất nước vẫn đứng trước nhiều thách thức lớn. Bên cạnh những hạn chế, yếu kém của nền kinh tế; ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu cùng với hạn chế, khiếm khuyết của nền kinh tế đã ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, tốc độ tăng trưởng, lạm phát gia tăng, đời sống nhân dân gặp khó khăn, tất cả đã tạo ra sức ép lớn đối với việc bảo đảm ASXH; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... đã tạo áp lực và hạn chế trong thực hiện chính sách ASXH.

** Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội từ năm 2010 đến năm 2015*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011) đề ra chủ trương “Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển”, Đại hội XI đề ra mục tiêu và một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chính sách ASXH đến năm 2015. Cụ thể tinh thần của Đại hội lần thứ XI của Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (BCHTW) khóa XI ra Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01-6-2012 *Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22-11-2012 của Bộ Chính trị *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020* góp phần bổ sung, hoàn thiện chính sách ASXH, nâng cao đời sống nhân dân.

Bên cạnh chủ trương của Đảng, Nhà nước ban hành nhiều văn bản pháp luật dưới dạng Luật, Hiến pháp... Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề ra *Chiến lược an sinh xã hội Việt Nam thời kỳ 2011-2020*... để triển khai thực hiện chính sách ASXH.

2.1.2.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre tác động đến hoạt động lãnh đạo thực hiện chính sách an sinh xã hội của Đảng bộ tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2015

Bến Tre có tổng diện tích tự nhiên năm 2010 là 2.315,01 km². Tỉnh bao gồm thành phố Bến Tre (Trung tâm tỉnh lỵ) và 8 huyện (Ba Tri, Giồng Trôm, Bình Đại, Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú), 157 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 142 xã, 8 phường và 7 thị trấn). Tỉnh có hệ thống kênh, rạch chằng chịt, bờ biển dài, khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và chuyên canh những vùng cây ăn trái, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống người dân. Bên cạnh thuận lợi về điều kiện tự nhiên, Bến Tre cũng

gặp những khó khăn do thời tiết nóng ẩm dễ phát sinh sâu bệnh, dịch bệnh và nấm mốc, cùng với hạn mặn vào mùa khô đã làm giảm năng suất, sản lượng trên cây trồng, vật nuôi, tác động đến nguồn thu nhập, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt và đời sống của người dân. Hệ thống sông ngòi chằng chịt là trở ngại lớn đối với giao thông đường bộ, kết nối liên vùng trong huy động nguồn lực thực hiện ASXH.

Về kinh tế tỉnh Bến Tre giai đoạn 2005-2010, tốc độ tăng trưởng đạt 9,42%/năm, (so với giai đoạn 2000-2005 đã tăng 0,33%). GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 866 USD (tương đương 16,55 triệu đồng), tăng 75,6% so với năm 2005. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Bến Tre giai đoạn 2005-2010 đạt 9,42%/năm, (so với giai đoạn 2000-2005 đã tăng 0,33%). GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 866 USD (tương đương 16,55 triệu đồng), tăng 75,6% so với năm 2005. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bước sang giai đoạn 2010-2015, nền kinh tế của tỉnh duy trì sự phát triển khá ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 7,3%. GDP bình quân đầu người là 34,7 triệu đồng, tăng gần 2,1 lần so với năm 2010. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch giảm dần ở khu vực nông nghiệp. Hạ tầng cơ sở có nhiều tiến bộ, nhiều công trình trọng điểm được xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy nông nghiệp phát triển, ổn định sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

Tỉnh Bến Tre có 27 dân tộc và 9 tôn giáo; nguồn lực lượng lao động dồi dào; con người giàu truyền thống văn hóa cách mạng. Đây là điều kiện quan trọng để Đảng bộ phát huy nội lực nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp cùng thực hiện chính sách ASXH trong giai đoạn 2010-2015.

2.1.2.3. Thực trạng thực hiện công tác an sinh xã hội tỉnh Bến Tre trước năm 2010

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ VIII (11-2005) lần đầu tiên đã nhấn mạnh thuật ngữ “An sinh xã hội” thông qua việc xây dựng một mạng lưới ASXH. Đại hội đã đề ra mục tiêu cùng các giải pháp thực hiện chính sách ASXH trên các trụ cột như: XDGN; BHXH, BHTN, BHYT; TGXH; UĐXH. Triển khai chính sách ASXH, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: Chỉ thị số 23 CT/TU Về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo; Chỉ thị số 27-CT/TU Về việc tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Đồng khởi mới”, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy lùi nghèo nàn, lạc hậu và tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong năm 2010 để triển khai thực hiện chính sách ASXH.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính sách ASXH đạt nhiều kết quả, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như: tỉ lệ hộ nghèo còn cao; tỉ lệ lao động tham gia BHXH còn thấp, chỉ có 328 người tham gia BHXH tự nguyện; còn nhiều đối tượng cần TGXH. Đây là áp lực lớn đối với chính sách ASXH.

2.1.3. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bến Tre về chính sách an sinh xã hội từ năm 2010 đến năm 2015

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ IX với quyết tâm thực hiện “có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội” nhằm “xây dựng Bến Tre phát triển nhanh và bền vững, sánh vai các tỉnh trong khu vực và cả nước”. Đại hội đề ra mục tiêu và giải pháp trên các trụ cột của hệ thống ASXH: XDGN; BHXH, BHTN, BHYT; TGXH; UĐXH. Triển khai chủ trương của Đảng bộ về ASXH, Tỉnh ủy ban hành các nghị quyết: Nghị quyết số 03-NQ/TU về “*Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020*”; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 10 năm 2011 *Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020*

2.2. QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.2.1. Chỉ đạo công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức thực hiện chính sách an sinh xã hội

Đảng bộ chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội sử dụng nhiều hình thức, phương pháp tuyên truyền chính sách ASXH: Tuyên truyền miệng; trực quan; hoạt động thực tiễn. Với những biện pháp trên, công tác tuyên truyền về chính sách ASXH từng bước được nâng cao về chiều sâu và phạm vi ảnh hưởng, thấm sâu và lan tỏa rộng rãi trong các tầng lớp Nhân dân. Qua đó, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể các cấp và toàn dân, thúc đẩy việc thực hiện hiệu quả các chính sách ASXH.

2.2.2. Chỉ đạo thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo

2.2.2.1. Thực hiện đào tạo nghề, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động

Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ về công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 08-Ctr/TU ngày 12-12-2011 *Thực hiện Kết luận số 10-KL/TW Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, đồng thời, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về lao động việc làm; phát triển cơ sở hạ tầng, củng cố, nâng cao chất lượng của các cơ sở dạy nghề; huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân đến đầu tư tại tỉnh... Bên cạnh đó, để tạo thêm sinh kế cho lao động nhàn rỗi ở nông thôn, Đảng bộ chỉ đạo cấp ủy, chính quyền triển khai đồng bộ các biện pháp: phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; đẩy mạnh phát triển kinh tế vườn, nuôi trồng thủy hải sản, kinh tế vùng ven biển; khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu lúa, dừa, mía, thủy sản... phát triển và mở rộng các hình thức liên kết sản xuất.. qua đó, đã giúp người dân nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, bảo đảm ASXH.

Phát huy vị thế của địa phương vùng ven biển để phát triển kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo, bảo đảm ASXH, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 18-01-2012 *Về phát triển du lịch tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2015*. Thông qua đó, các làng nghề truyền thống được xây dựng; mô hình kinh tế miệt vườn theo hướng dịch vụ du lịch trải nghiệm được tái cấu trúc đã góp phần tạo việc làm và giảm nghèo.

Đối với công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài: phát triển và đa dạng hóa thị trường tiếp nhận lao động; tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác xuất khẩu lao động; tăng cường công tác truyền thông, tư vấn trong cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng công tác xuất khẩu lao động; xây dựng dữ liệu thông tin thị trường lao động làm cơ sở để trợ giúp nghề nghiệp, dạy nghề và xuất khẩu lao động. Nhờ đó, công tác lao động, việc làm đạt nhiều kết quả, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, công tác tư vấn, tham vấn cách làm, hỗ trợ thông tin thị trường việc làm tại một số địa phương chưa được quan tâm; công tác đào tạo nghề một số ngành chưa gắn với nhu cầu thị trường nên không tạo được việc làm.

2.2.2.2. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho hộ nghèo

Đảng bộ chỉ đạo cấp ủy, chính quyền xây dựng kế hoạch và ban hành các văn bản chỉ đạo công tác giảm nghèo; đẩy mạnh công tác phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể thực hiện công tác giảm nghèo ở địa phương. Để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, thúc đẩy kinh tế phát triển và tạo việc làm, Đảng bộ chỉ đạo các địa phương cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt giấy tờ gây phiền hà trong đăng ký kinh doanh; phát triển đa dạng hóa các loại hình tổ chức tín dụng và dịch vụ ngân hàng; thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, hỗ trợ thị trường.

Đối với hoạt động sinh kế cho người nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức: truyền nghề; hỗ trợ vốn, cây, con giống; chuyển giao kỹ thuật... Song song đó, tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm, vốn từ các nguồn vận động của các đoàn thể, tổ chức phi chính phủ, qua các dịch vụ khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất.

2.2.2.3. Đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt tại các xã bãi ngang để phát triển kinh tế - xã hội

Trong Chương trình hành động số 04-CT/TU ngày 17-5-2011 *Thực hiện Kết luận số 02-KL/TW của Bộ Chính trị về tình hình kinh tế - xã hội năm 2011*; Chương trình hành động số 16-CT/TU ngày 14-8-2012 *Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020”*; Chỉ thị số 16-CT/TU *Về phát động phong trào thi đua “Đồng Khởi mới” nhân kỷ niệm 55 năm Ngày Bến Tre Đồng Khởi* đã cụ thể sự chỉ đạo Đảng bộ về đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội. Nhằm có thêm nguồn lực, Đảng bộ chỉ đạo

các cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung huy động vốn đầu tư; chỉ đạo phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn vốn để hoàn thành các công trình trọng điểm, kết cấu hạ tầng, giao thông nông thôn phục vụ sinh hoạt và đi lại cho người dân, đặc biệt các xã nghèo của 3 huyện ven biển tại Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú.

2.2.3. Chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Triển khai chủ trương Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 25-Ctr/TU ngày 7-3-2013 của *Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020*. Đảng bộ chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách về BHXH, BHYT. Đồng thời, làm tốt công tác phối hợp trong triển khai và thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách BHXH, BHTN, BHYT.

Chỉ đạo Ngành BHXH tăng cường công tác truyền thông; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy; nâng cao năng lực điều hành chính sách BHXH và BHYT. Chỉ đạo Ngành Y tế đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp với cơ quan BHXH, làm tốt việc thanh toán chi phí khám và chữa bệnh bằng BHYT cho người dân; tổ chức tốt các hoạt động đấu thầu thuốc, kê toa, quản lý bệnh nhân; khắc phục hiện tượng xuất toán do sai thủ tục hành chính; củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng mạng lưới y tế cơ sở; tăng cường công tác kết hợp quân - dân y trong phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, gia đình chính sách...

2.2.4. Chỉ đạo thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với người yếu thế

2.2.4.1. Triển khai các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng được bảo trợ xã hội

Triển khai chính sách TGXH, Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 24-Ctr/TU ngày 7-02-2013 *Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 5-11-2012 của Bộ Chính trị (khóa IX) Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới* và điều chỉnh mức trợ cấp xã hội; chỉ đạo chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội; các ban, ngành, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt công tác sự phối hợp trợ giúp người yếu thế. Qua đó, Bến Tre đã thành lập nhiều mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt; mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng; mô hình phòng tránh và cứu trợ xã hội...

2.2.4.2. Đẩy mạnh các biện pháp trợ giúp về giáo dục, y tế, nhà ở cho các đối tượng yếu thế

Đảng bộ tỉnh chỉ đạo ngành giáo dục tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa (quan tâm đến các xã khó khăn ở vùng

sâu, vùng xa); kêu gọi xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục; miễn, giảm học phí, hỗ trợ dụng cụ học tập cho học sinh nghèo...

Trong lĩnh vực y tế, huy động nguồn lực đầu tư các bệnh viện công, trung tâm y tế dự phòng ở tuyến tỉnh, huyện và mạng lưới y tế ở cơ sở; thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; hỗ trợ đối tượng khó khăn, phụ nữ, hộ cận nghèo được thẻ BHYT; khám, phát thuốc cho người nghèo...

Về nhà ở, triển khai thực hiện Đề án Hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người nghèo, công nhân, người có thu nhập thấp, học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức và các đối tượng khác theo Chương trình phát triển nhà ở của Chính phủ; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực nhà ở, góp phần bảo đảm ASXH.

Về nước sạch, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011-2015, ưu tiên cho vùng bị nhiễm mặn, các xã điểm nông thôn mới với nhiều biện pháp hỗ trợ (ưu đãi tín dụng; hỗ trợ dụng cụ chứa nước...) Kêu các thành phần kinh tế, các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn.

Về thông tin, Đảng bộ đã triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở và lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông; nâng cao năng lực làm công tác thông tin và truyền thông cho đội ngũ cán bộ các cấp.

2.2.5. Chỉ đạo thực hiện chính sách ưu đãi xã hội đối với người có công với cách mạng

Bằng nhiều biện pháp tích cực: tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn Đảng và toàn dân thực hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, chăm lo cho gia đình người có công với cách mạng; tiến hành Chương trình tổng rà soát chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; giải quyết dứt điểm các trường hợp tồn đọng về trợ cấp một lần và hằng tháng theo đúng quy định; huy động các nguồn lực cùng chăm lo đời sống cho gia đình người có công; tăng cường kiểm tra, thanh tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong thực hiện chính sách đối với người có công.

Tiểu kết chương 2

Tóm lại, trong giai đoạn 2010 - 2015, tỉnh Bến Tre chịu các tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu, cùng thiên tai, dịch bệnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã cụ thể hóa quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam vào tình hình thực tế của tỉnh để thực hiện ASXH. Thông qua sự chỉ đạo quyết liệt và toàn diện của Đảng bộ, sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành và sự đồng thuận trong toàn

dân, thực hiện chính sách ASXH của tỉnh có nhiều kết quả tích cực. Bên cạnh đó, thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2010-2015 vẫn còn một số hạn chế, đòi hỏi sự linh hoạt, nhạy bén, sáng tạo của Đảng bộ trong đề ra chủ trương mới phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh, để thực hiện ASXH ở giai đoạn sau đạt kết quả cao.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bến Tre về đẩy mạnh thực hiện chính sách an sinh xã hội

3.1.1.1. Tình hình thế giới và trong nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách an sinh xã hội

**** Tình hình thế giới và trong nước***

Bước sang giai đoạn 2015-2020, bối cảnh thế giới và khu vực có những yếu tố thuận lợi, nhưng cũng có không ít khó khăn đan xen, phức tạp hơn so với dự báo, tác động đến sự phát triển đất nước. Đặc biệt, sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) tác động mọi lĩnh vực trong đời sống con người, từ sản xuất, kinh tế đến xã hội toàn cầu và thực hiện chính sách ASXH ở các nước trên thế giới. Thêm vào đó, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt, đại dịch Covid – 19 vào cuối năm 2020, đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới.

Trong nước, tình hình kinh tế, xã hội đạt nhiều kết quả góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ASXH. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi, những tác động bất lợi: cạnh tranh thương mại; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; biến đổi khí hậu, đại dịch Covid – 19 ... tác động mạnh đến tình hình kinh tế – xã hội nước ta.

**** Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an sinh xã hội***

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016), chủ trương: “Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước”. Đại hội XII đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ để “hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội”. Quán triệt chủ trương Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Hội nghị lần thứ sáu BCH TW khóa XII đã ban hành Nghị

quyết số 20-NQ/TW ngày 25 - 10 - 2017 *Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23-5-2018 BCHTW khóa XII *Về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*; Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01-11-2019 Ban Bí thư *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật*; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24-3-2020 của Ban Bí thư *Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai*; Kết luận số 77-KL/TW ngày 5-6-2020 của Bộ Chính trị *Về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế đất nước*; Kết luận số 92-KL/TW ngày 5-11-2020 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*. Bên cạnh chủ trương của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách ASXH trên các trụ cột như việc làm, giảm nghèo bền vững; BHXH, BHYT, TGH, UĐXH.

3.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Bến Tre

Trong giai đoạn 2015-2020, nền kinh tế của tỉnh Bến Tre duy trì tốc độ tăng trưởng khá; nông nghiệp được đầu tư và phát triển khá toàn diện; công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá; hạ tầng cơ sở tại các khu, cụm công nghiệp được đầu tư đồng bộ và phát triển hơn so với giai đoạn 2010-2015. Hệ thống chợ, siêu thị được đầu tư nâng cấp và mở rộng toàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân. Từ năm 2015 đến năm 2020, dân số của tỉnh tăng 28.687 người đã tạo thêm nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố. Với sự phát triển về kinh tế - xã hội là điều kiện thuận lợi để Đảng bộ tỉnh đẩy mạnh thực hiện chính sách ASXH. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi, giai đoạn 2015-2020, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh còn chậm, khu vực công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển mạnh nên chưa tạo nhiều việc làm cho lao động trong tỉnh, trong khi đó thu nhập, mức sống của người dân còn thấp so với các tỉnh trong khu vực. Dân số gia tăng đã tạo ra áp lực lên hệ thống ASXH, nhất là sức ép đối với việc giải quyết việc làm, thu nhập và nhu cầu, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, BHXH, BHYT, TGH và UĐXH đối với các nhóm yếu thế. Tỉnh tiếp tục chịu nhiều tác động bất lợi của biến đổi khí hậu, hạn mặn, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và người đã ảnh hưởng đời sống người dân.

3.1.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Bến Tre đẩy mạnh chính sách an sinh xã hội từ năm 2015 đến năm 2020

Quán triệt chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách ASXH, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ X (10-2015) (nhiệm kỳ 2015-2020) chủ trương: “phát

triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa và xây dựng con người, bảo vệ môi trường; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Chủ trương đã phản ánh sự đổi mới trong nhận thức Đảng bộ tỉnh về các trụ cột của chính sách ASXH, nhờ đó, đã khắc phục những bất cập trong quá trình lãnh đạo thực hiện của chính sách ASXH của Đảng bộ trong giai đoạn trước, mở rộng phạm vi thụ hưởng và tác động của lưới ASXH đến toàn dân. Qua đó, thiết lập các cơ chế bảo vệ an toàn đến các tầng lớp yếu thế, dễ bị tổn thương hoặc người không may do gặp rủi ro vì thiên tai, dịch bệnh, tuổi già... giúp họ vượt qua và ổn định cuộc sống, bảo đảm ASXH. Tiếp đó, Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 5-8-2016 *Về xây dựng và hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025*; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 7 tháng 12 năm 2018 của Tỉnh ủy Bến tre *Về phương hướng, nhiệm vụ năm 2019* đã đẩy mạnh thực hiện chính sách ASXH.

3.2. ĐẢNG BỘ TỈNH BẾN TRE CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện chính sách an sinh xã hội

Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thực hiện đa dạng về hình thức và nội dung phong phú, dễ tiếp cận, đồng thời xây dựng kế hoạch phối hợp tuyên truyền thực hiện chính sách ASXH. Qua đó, đã tạo chuyển biến trong nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn nhân dân cùng đồng lòng, đồng sức với Đảng bộ, chính quyền, phát huy cao nội lực thực hiện chính sách ASXH.

3.2.2. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

3.2.2.1. Đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng ngành nông nghiệp bền vững và các mô hình giảm nghèo

3.2.2.2. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động

3.2.2.3. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực hỗ trợ cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Nhờ đó, cuối năm 2020, người nghèo được bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản và đời sống ngày càng được nâng cao. Mức sống các hộ gia đình nghèo, cận nghèo ở các xã bãi ngang tăng từ 23 triệu đồng/người (năm 2015) lên 26 triệu đồng/người (năm 2020), góp phần bảo đảm ASXH.

3.2.3. Chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

3.2.3.1. Chỉ đạo phối hợp thực hiện đồng bộ các chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

3.2.3.2. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân

3.2.4. Chỉ đạo thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với người yếu thế

3.2.4.1 Tăng cường thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội đối với người yếu thế

3.2.4.2. Thực hiện các biện pháp trợ giúp cho các đối tượng yếu thế, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về giáo dục, y tế, nhà ở

3.2.5. Chỉ đạo thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

3.2.5.1. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng

3.2.5.2. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy tập mộ liệt sĩ, sửa chữa và nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ

Tiểu kết chương 3

Từ năm 2015 đến năm 2020, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực nhiều diễn biến phức tạp, tỉnh Bến Tre chịu nhiều tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn mặn xâm nhập sâu, kéo dài, đặt ra nhiều thách thức và gia tăng áp lực đối với việc lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ địa phương. Tuy nhiên, trong điều kiện khó khăn đó, Đảng bộ đã phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, kịp thời quán triệt chủ trương của Đảng về chính sách ASXH, điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn tỉnh Bến Tre. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt, toàn diện của Đảng bộ, sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, chính sách ASXH được đẩy mạnh triển khai đạt nhiều kết quả thiết thực trên các trụ cột cơ bản: XĐGN, BHXH, BHTH, BHYT; TGXH; UĐXH. Qua đó, không chỉ góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, mà còn khẳng định tính đúng đắn trong đường lối của Đảng, cũng như vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng bộ địa phương trong việc bảo đảm ASXH, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Đảng bộ tỉnh Bến Tre đã quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, kịp thời đưa ra chủ trương thực hiện an sinh xã hội phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Trong 10 năm (từ năm 2010 đến năm 2020), căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, Đảng bộ đã quán triệt chủ trương của Đảng về ASXH, đặc biệt là Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01-6-2012 *Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*, Đảng bộ đã kịp thời đề ra chủ trương điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ từng trụ cột của hệ thống ASXH phù hợp với từng thời kỳ, góp phần giúp người dân giảm đi rủi ro do thiên tai, dịch bệnh và bảo đảm ASXH. Qua đó, đã cho thấy sự phát triển về nhận thức, tư duy lý luận của Đảng bộ về chính sách ASXH.

Hai là, trong quá trình chỉ đạo, Đảng bộ đã đề ra nhiều giải pháp phù hợp, tạo bước chuyển tích cực trong thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh như: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, coi bảo đảm ASXH là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, mọi tầng lớp nhân dân; Đảng bộ chỉ đạo các cấp, các ngành cụ thể hóa chủ trương thực hiện ASXH thành chính sách phù hợp với từng đối tượng; đẩy mạnh xã hội hóa việc thực hiện chính sách ASXH huy động tất cả các thành phần kinh tế cùng tham gia; thường xuyên coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kịp thời uốn nắn các lệch lạc phát sinh trong thực hiện chính sách ASXH.

Ba là, chính sách ASXH đạt nhiều kết quả trên một số nội dung về XDGN, BHXH, BHTN, BHYT; TGXH; UĐXH, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. XDGN, tạo việc làm được thực hiện tốt; chính sách BHXH, BHTN, BHYT góp phần giảm thiểu rủi ro do già yếu, bệnh tật, tai nạn nghề nghiệp, thai sản. Hiệu quả thực hiện chính sách BHXH, BHTN và BHYT từng bước nâng cao. Đặc biệt, tỉ lệ người dân tham gia BHYT tăng lên 92,38 (cuối 2020); các đối tượng bảo trợ xã hội trong toàn tỉnh được trợ giúp kịp thời. Thực hiện tốt trợ cấp xã hội thường xuyên hàng tháng, trợ giúp đột xuất, hỗ trợ mai táng phí, hỗ trợ xe lăn, xe lắc, chân tay giả và dụng cụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật, dụng cụ chứa nước ngọt ... UĐXH được quan tâm thực hiện tốt. Chế độ trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng

được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo cho gia đình chính sách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng thực hiện tốt.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Đảng bộ vận dụng linh hoạt các chính sách của Trung ương, kịp thời đề ra chủ trương đúng đắn, phù hợp với điều kiện ở Bến Tre là nguyên nhân chính góp phần bảo đảm ASXH.

Đảng bộ đã thể hiện vai trò chỉ đạo toàn diện, sâu sát và quyết liệt trong thực hiện chính sách ASXH.

Sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng của toàn dân đã góp phần tạo nên thành tựu to lớn trong thực hiện chính sách an sinh xã hội.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, một số cấp ủy chưa phát huy cao vai trò, trách nhiệm trong quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Một số cấp ủy cơ sở có biểu hiện buông lỏng trách nhiệm, thiếu sự chỉ đạo thống nhất; cấp ủy ở một vài địa phương chưa làm tốt vai trò của mình trong kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách ASXH.

Hai là, trong quá trình Đảng bộ chỉ đạo thực hiện chính sách an sinh xã hội còn một số tồn tại, hạn chế.

Công tác phối hợp và cộng đồng trách nhiệm giữa các ngành, các cấp ở một số địa phương còn chưa đồng bộ; một số cán bộ còn hạn chế về trình độ, năng lực công tác ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội; công tác kiểm tra, giám sát còn thiếu thường xuyên tại một số địa phương, nên việc phát hiện và xử lý vấn đề phát sinh chưa kịp thời.

Ba là, kết quả thực hiện chính sách ASXH tại tỉnh Bến Tre từ năm 2010 đến năm 2020 còn một số hạn chế:

Tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh, nhưng thiếu bền vững; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động và chính sách BHXH, BHYT, chính sách UĐXH còn một số tồn tại, hạn chế.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Do tác động tình hình thế giới, nhất là suy thoái kinh tế ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch bệnh; hạn chế về kinh tế - xã hội và hệ thống chính sách an sinh xã hội chậm hoàn thiện; do nhận thức vai trò, trách nhiệm của một số cán bộ, đặc biệt cấp ủy, người đứng đầu tại một số địa phương chưa cao; do hạn chế từ bản thân của một số đối tượng thụ hưởng chính sách ASXH.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.2.1. Quán triệt sâu sắc vào vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội vào điều kiện cụ thể của địa phương

4.2.2. Đặt thực hiện chính sách an sinh xã hội ngang tầm với chính sách kinh tế, kết hợp phát triển kinh tế với an sinh xã hội ở địa bàn chịu tác động của biến đổi khí hậu

4.2.3. Phát huy vai trò cộng đồng và truyền thông địa phương, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong thực hiện chính sách an sinh xã hội

4.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác an sinh xã hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ mới

Tiểu kết chương 4

Qua 10 năm (từ năm 2010 đến năm 2020) Đảng bộ lãnh đạo thực hiện ASXH, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, toàn diện của Đảng bộ và sự phối hợp đồng bộ của các cấp, sở, ngành, chính quyền, đoàn thể chính sách ASXH tại tỉnh Bến Tre có nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên vẫn còn một vài hạn chế, từ đó, một số kinh nghiệm được đúc kết có giá trị tham khảo cho quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ địa phương ở giai đoạn sau đạt hiệu quả cao.

KẾT LUẬN

ASXH góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Đây là động lực và điều kiện tạo môi trường ổn định, đưa nền kinh tế phát triển và hội nhập quốc tế. Bảo đảm ASXH sẽ duy trì sự ổn định xã hội, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, xây dựng xã hội ngày càng văn minh và hiện đại. Trên cơ sở quán triệt và vận dụng chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách ASXH, Đảng bộ tỉnh Bến Tre luôn xem bảo đảm ASXH nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong 10 năm (từ năm 2010 đến năm 2020), Đảng bộ tỉnh Bến Tre kịp thời đề ra chủ trương thực hiện chính ASXH phù hợp với điều kiện của địa phương giàu truyền thống cách mạng, có đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên đặc thù của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Qua hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X (2010-2015) và lần thứ XI (2015-2020), dưới sự chỉ đạo quyết liệt và toàn diện của Đảng bộ, cùng sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành và sự đồng thuận, tham gia tích cực của nhân dân, chính sách

ASXH được triển khai tương đối toàn diện, bao quát các trụ cột cơ bản của hệ thống ASXH, đã kịp thời đáp ứng và giải quyết những yêu cầu cấp bách bách của tỉnh khi biến đổi khí hậu, hạn mặn, dịch bệnh gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân. Nhờ đó, quyền lợi của nhân dân được quan tâm giải quyết, góp phần bảo đảm ổn định xã hội và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu ASXH của người dân.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng phát huy nội lực, đồng thời huy động và khai thác có hiệu quả các nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và nhân dân. Sự kết hợp giữa nguồn lực nhà nước với nguồn lực xã hội đã góp phần mở rộng khả năng bao phủ của chính sách ASXH, hỗ trợ kịp thời đến các nhóm yếu thế người nghèo, người già, trẻ mồ côi và địa phương vùng ven biển còn khó khăn. Nhờ đó, việc thực hiện chính sách ASXH từng bước gắn kết chặt chẽ hơn với phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản. Với những thành tựu đạt được trong quá trình lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH từ năm 2010 đến năm 2020 không chỉ góp phần khắc phục khó khăn, hạn chế tác động của các rủi ro kinh tế - xã hội mà còn từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội của người dân. Qua đó, thành tựu đạt được đã khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ phù hợp với thực tiễn tình hình tỉnh Bến Tre, tạo bước chuyển tích cực trong thực hiện chính sách ASXH, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực hiện chính sách ASXH dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ giai đoạn 2010-2020 vẫn còn một số hạn chế, một số kinh nghiệm được đúc kết là nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng, có giá trị tham khảo cho việc lãnh đạo thực hiện chính sách ASXH của Đảng bộ địa phương ở giai đoạn tiếp theo, cũng như đối với các tỉnh có điều kiện tương đồng. Trong điều kiện tỉnh mới hiện nay, với không gian mở rộng tạo nhiều cơ hội, tiềm năng giúp Đảng bộ địa phương xây dựng hệ thống ASXH đa tầng, toàn diện, hiện đại, thích ứng linh hoạt với tình hình, đưa địa phương ngày càng phát triển.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Tôn Phương Du, Nguyễn Thị Thùy Giao (2021), “Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về an sinh xã hội (2006 - 2021)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (5).
2. Nguyễn Thị Thùy Giao (2021), “Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về phụ nữ và giải phóng phụ nữ - thực hiện công tác bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, năm thứ 15, (170).
3. Nguyễn Thị Thùy Giao (2022), “Đảng bộ tỉnh Bến Tre lãnh đạo giảm nghèo bền vững giai đoạn 2010-2020”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (2).
4. Nguyễn Thị Thùy Giao (2023), “Chủ trương, kết quả xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay mang đậm tính ưu việt chế độ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo góp phần đảm bảo an sinh xã hội”, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, năm thứ 17, (Đặc biệt 2 và 3).
5. Nguyễn Thị Thùy Giao (2023), “Thực hiện chính sách ưu đãi người có công góp phần đảm bảo an sinh xã hội ở Bến Tre (1996-2022)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (7).